**NGÀY SOẠN:**

**TUẦN:**

**TIẾT: `**

**ÔN TẬP HỌC KÌ II**

**(Thời gian thực hiện: 2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Hệ thống hoá, khái quát hoá các kiến thức hình học của chương 8.

- Kết nối các kiến thức trong chương.

- Vận dụng tổng hợp các kiến thức, kĩ năng để giải quyết các bài tập toán

**2. Năng lực:**

• Năng lực tự chủ: Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp.

• Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tự tin trình bày được kết quả thảo luận của nhóm, chia sẻ giúp đỡ bạn thực hiện nhiệm vụ học tập.

• Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Vận dụng các kiến thức để thực hiện giải quyết các bài tập toán

- Tư duy và lập luận toán học.

- Sử dụng công cụ phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất:**

* Chăm chỉ: Chú ý lắng nghe,tích cực làm bài tập.

• Trung thực: Báo cáo kết quả hoạt động nhóm chính xác, trung thực.

• Trách nhiệm: Chủ động, tích cực khi tham gia hoạt động nhóm, thực thực hiện nhiệm vụ được giao.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

Máy chiếu, máy tính. bút dạ.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

-Bộ đồ dùng học tập, bảng nhóm, SGK.

- Ôn tập các kiến thức hình học

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp: (2 phút)**

- Kiểm tra sĩ số học sinh.

- Học sinh hát tập thể.

**2. Nội dung:**

| **A. Khởi động (5 phút)** | |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| **Mục tiêu** : Kiểm tra, hệ thống hoá kiến thức các nội dung hình học đã được học ở chương 8  **Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, SĐTD | |
| HS nêu các nội dung hình học cơ bản đã học ở chương 8  HS lớp góp ý, bổ sung ý kiến.  GV nhận xét, bổ sung cho HS.    GV chiếu bản đồ tư duy có sử dụng hiệu ứng của Powerpoint để trình chiếu. | HS quan sát, ghi chép. |

**B. Ôn tập lý thuyết (8 phút)**

| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| --- | --- |
| **Mục tiêu:** Ôn tập kiến thức đã học về tính chất cạnh và góc của một tam giác, các trường hợp bằng nhau của hai tam giác, tam giác cân, đường vuông góc và đường xiên.  **Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, hoạt động nhóm. | |
| **Tổ chức thực hiện:**  **- Giao nhiệm vụ học tập:**  + GV chiếu Slide phiếu học tập số 1: Bài tập trắc nghiệm.  GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi, trả lời câu hỏi.  **- Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, trao đổi nhóm đôi và trả lời câu hỏi vào phiếu học tập  **- Báo cáo, thảo luận**  + HS giơ tay, trả lời miệng, các HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Kết luận, nhận định:**  + GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó ôn tập phần lý thuyết đã học. | **Bài tập trắc nghiệm**  **Hoạt động nhóm**  - HS hoàn thiện phiếu học tập số 1.  - GV ôn tập lại lý thuyết đã học. |

**C. Luyện tập (12 phút)**

| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| --- | --- |
| **Mục tiêu:** Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học  **Phương pháp:** Thảo luận nhóm, thuyết trình, vấn đáp, gợi mở | |
| GV giao nhiệm vụ cho 4 nhóm trao đổi, trình bày lời giải  **Nhóm 1**:  Bài 1. Cho tam giác ABC cân tại A, biết góc A = 500. Tính các góc còn lại  **Nhóm 2:**  Bài 2. Cho tam giác MNQ cân tại M,  biết góc Q = 500. T ính các góc còn lại  **Nhóm 3**  Bài 3. Cho tam giác ABC,  biết góc A = 400, góc B = 300  Hỏi tam giác ABC là tam giác gì. Vì sao?  **Nhóm 4**  Bài 4. Cho tam gi ác ABC, biết góc A = 750, góc B = 550. Cạnh nào có độ dài lớn nhất. Vì sao?  HS làm việc theo nhóm  HS treo phần bài làm của mình để cả lớp quan sát nhận xét  Các nhóm nhận xét chéo bài làm của nhau.  GV sửa bài. | **Nhóm 1**:  ABC cân tại A    **Nhóm 2:**  MNQ cân tại M    Xét MNQ có:  (tổng ba góc trong một tam giác)    V ậy  **Nhóm 3:**  ABC c ó  (tổng ba góc trong một tam giác)    Vậy tam giác ABC là tam giác tù vì    **Nhóm 4**  Xét  có:  => BC > AC > AB (quan hệ góc và cạnh đối diện trong tam giác)  Vậy BC là cạnh lớn nhất |

**D. Vận dụng (17 phút)**

| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| --- | --- |
| **Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học vào các bài toán chứng minh, tính toán, vẽ hình ...  **Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, sơ đồ phân tích | |
| GV trình chiếu bài tập lên màn hình  - GV: Cho HS đọc đề bài và nêu giả thiết, kết luận  - GV yêu cầu HS vẽ hình chính xác có kí hiệu  - HS vẽ hình lên bảng.  -HS dưới nhận xét hình vẽ  -GV bổ xung, hoàn chỉnh  GV-: 2 tam giác AHB và AHC đã có những yếu tố nào bằng nhau?  -HS lên bảng chứng minh câu a  -HS nhận xét và bổ sung thêm.  - GV: Uốn nắn và thống nhất cách trình bày cho học sinh.  -Gv: Giả thiết cho gì ở câu b  Để C/m EF = EB ta làm thê nào?  -HS nêu phương án chứng minh  - GV: Cho HS lên bảng trình bày cách thực hiện.  - GV: Cho HS nhận xét và bổ sung thêm.  - GV: nhậận xét và hoàn thiện bài  - GV: Để một điểm là trung điểm của đoạn thẳng thì điểm đó cần thoả mãn mấy yêu cầu? Đó là những yêu cầu nào?  - HS trả lời  - GV: Nhấn mạnh lại điều kiện để một điểm là trung điểm của đoạn thẳng.  - GV hướng dẫn HS chứng minh thông qua sơ đồ tư duy  - GV lưu ý về TH bằng nhau của tam giác  -HS dựa vào sơ đồ tư duy và các gợi ý của GV để thực hiện chứng minh | **Bài 6.** Cho ABC cân tại A . Vẽ AH vuông góc với BC tại H.  a) C/m: AHB = AHC  b) Trên cạnh AB lấy điểm E. Từ E kẻ đường thẳng song song với AC và cắt BC tại F.Chứng minh: EF = EB  c) Trên tia đối của tia CA lấy điểm I sao cho CI = BE. Nối EI cắt BC tại M. C/m: M là trung điểm của EI  **Giải**    a) C/m: AHB = AHC  *Xét AHB và AHC có   AHB = AHC (c huyền - c góc vuông)*  b) Chứng minh: EF = EB  *Ta có: EF//AC (gt)*  *(hai góc đồng vị) Mà  (tam giác ABC cân tại A) nên    EFB cân tại E.*  *EF = EB*  *c) SĐTD*  *M là trung điểm của CF*  *FM = CM; M nằm giữa C và F*  *MEF = MIC (gcg)*  *EF = CI;* |

**E. Hướng dẫn tự học: (1 phút)**

| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| --- | --- |
| **Mục tiêu:** Học sinh được hướng dẫn tự học ở nhà.  **Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp. | |
| GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS thực hiện | + Xem kỹ các bài tập đã được sửa.  + Tiếp tục hoàn thành câu c bài 6  + Ôn các kiến thức chương 8 bài 6,7,8,9 tiết sau tiếp tục ôn tập |

**Tiết 2:**

| **A. Khởi động (3 phút)** | |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| **Mục tiêu**: Tiếp tục kiểm tra, hệ thống hoá kiến thức các nội dung hình học đã được học ở chương 8: về quan hệ giữa các yếu tố và các đường đồng quy trong tam giác  **Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, gợi mở | |
| **- Giao nhiệm vụ học tập:**  + GV chiếu Slide Bài tập tự luận:  **Bài 1**: Điền từ:  A. Giao điểm của ba đường cao trong tam giác gọi là………  B. Điểm nằm trên…của đoạn thẳng thì cách đều hai đầu mút của đoạn thẳng đó.  C. Giao điểm của ba đường trung tuyến trong tam giác gọi là…….  D. Điểm cách đều ba cạnh của tam giác là……  E. Điểm cách đều ba đỉnh của tam giác là……… | **Bài 1**: Điền từ:  A. trực tâm  B. đường trung trực  C. trọng tâm  D. giao điểm của ba đường phân giác trong tam giác.  E. giao điểm của ba đường trung trực trong tam giác. |

**B. Ôn tập lý thuyết (6 phút)**

| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| --- | --- |
| **Mục tiêu:** HS khắc sâu kiến thức vừa học  **Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, hoạt động nhóm. | |
| GV trình chiếu bài tập lên màn hình  **- Giao nhiệm vụ học tập:**  + GV chiếu Slide phiếu học tập số 2: Bài tập trắc nghiệm.  GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi, trả lời câu hỏi.  **- Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, trao đổi nhóm đôi và trả lời câu hỏi vào phiếu học tập  **- Báo cáo, thảo luận**  + HS giơ tay, trả lời miệng, các HS khác nhận xét, bổ sung.  - Kết luận, nhận định:  + GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó ôn tập phần lý thuyết đã học. | **Bài 2. trắc nghiệm**  - HS hoàn thiện phiếu học tập số 2 |

**C. Luyện tập (15 phút)**

| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| --- | --- |
| **Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để giải 1 số bài toán thực tế  **Phương pháp:** Thảo luận nhóm, thuyết trình, vấn đáp, gợi mở | |
| **Bài 3**  GV trình chiếu bài tập lên màn hình  - GV: Yêu cầu học sinh lên vẽ hình minh hoạ  Yêu cầu HS thảo luận nhóm và đại diện 2 nhóm nhanh nhất lên bảng làm bài.  - Các HS khác nhận xét bài làm trên bảng.  - GV nhận xét, hoàn chỉnh bài làm.  - HS hoàn thiện bài làm vào vở.  **Bài 4**  GV trình chiếu bài tập lên màn hình  Yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời  - Các HS khác nhận xét, bổ xung  - GV chốt lời giải  - HS hoàn thiện bài làm vào vở. | **Bài 3**  Ba thành phố A, B, C là 3 đỉnh của 1 tam giác ; biết rằng  AC = 30km; AB = 90km (Hình vẽ).  a) Nếu đặt ở C máy phát sóng truyền thanh có bán kính hoạt động là 60km thì thành phố B có nhận được tín hiệu không? Vì sao b) Cũng câu hỏi như vậy với bán kính hoạt động là 120 km  Giải  a) Gọi AB là khoảng cách giữa thành phố A và thành phố B AC là khoảng cách giữa TP A và TP C  CB là khoảng cách giữa TP C và TP B Xét tam giác ABC ta có:  AB – AC < BC < AB + AC (BĐT tam giác)  90 – 30 < BC < 90 + 30  60 < BC < 120  Mà bán kính hoạt động máy phát sóng là  60km < BC. Vậy thành phố B không nhận được tín hiệu sóng  b) Vì 60 < BC < 120. Mà bán kính hoạt động máy phát sóng là 120km > BC. Vậy thành phố B nhận được tín hiệu sóng  **Bài 4**.  Người ta quyết định đặt một trạm phát sóng sao cho trạm phát sóng này cách đều 3 thành phố A, B, C (hình vẽ). Hãy xác định vị trí đặt trạm phát sóng thoả mãn điều kiện trên và giải thích cách thực hiện    Giải  Coi vị trí của 3 thành phố như 3 đỉnh của tam giác ABC.  Để khoảng cách từ trạm phát sóng đến 3 thành phố A, B, C đều nhau thì vị trí của trạm phát sóng phải là giao điểm I của 3 đường trung trực của 3 cạnh tam giác ABC  (Vì giao của 3 đường trung trực của tam giác cách đều 3 đỉnh A, B, C) của tam giác) |

**D. Vận dụng (18 phút)**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| **Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để giải bài toán chứng minh  **Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, sơ đồ phân tích | |
| **Bài 5:** Cho tam giác ABC vuông tại A, . Trên cạnh AC lấy điểm H sao cho H là trung điểm đoạn thẳng AC. Qua H vẽ đường thẳng vuông góc với AC cắt cạnh BC tại D. Gọi M là giao điểm của AD và BH.  a.Tính số đotừ đó so sánh độ dài cạnh AB và AC  b.Chứng minh:  c.Chứng minh: cânvà M trọng tâm  GV trình chiếu bài tập lên màn hình  - GV: Gọi HS đọc đề bài và nêu giả thiết, kết luận  - GV yêu cầu HS vẽ hình chính xác có kí hiệu  - HS vẽ hình vào vở  + Giao nhiệm vụ cho HS: trao đổi, thảo luận theo nhóm ghép đôi.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần.  + GV hướng dẫn HS viết Sơ đồ chứng minh để tìm lời giải câu c  **- Báo cáo, thảo luận:**  + GV gọi HS lên bảng làm bài  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **- Kết luận, nhận định:**  + GV sửa bài, đánh giá, nhận xét.  + GV chuyển sang nội dung tiếp theo. | **Bài 5:**    a. Tính số đo  từ đó so sánh độ dài cạnh AB và AC  ΔABC vuông tại A: ; .  ⇒  ⇒  ΔABC có: ,  ⇒  ⇒ *AC>AB (Quan hệ cạnh và góc đối diện)*  b.Chứng minh:  Xét ΔDHA và ΔDHC có:  AH = CH (H trung điểm AC)  ( DH ⊥ AC tại H )  DH cạnh chung  ⇒  ( c – g – c)  c. Chứng minh: cân và M trọng tâm  (ΔABC vuông tại A)  (ΔABC vuông tại A)  ()  ⇒  ⇒ ΔABD cân tại D  ⇒ DB = DA  Mà DC = DA ()  ⇒ DB = DC  Mà D thuộc cạnh BC  ⇒ D là trung điểm cạnh BC  Xét Δ ABC có:  AD là đường trung tuyến (*D là trung điểm cạnh BC*)  BH là đường trung tuyến ( *H là trung điểm cạnh AC*)  M là giao điểm BH và AD  ⇒ M là trọng tâm của Δ ABC |

**E. Hướng dẫn tự học: (1 phút)**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| **Mục tiêu:** Học sinh được hướng dẫn tự học ở nhà.  **Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp. | |
| GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS thực hiện | - Xem kỹ các dạng bài đã được sửa.  - Ôn tập và làm bài theo đề cương, chuẩn bị thi học kì 2 |

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**Bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1:** Cho tam giác ABC, tổng ba góc của một tam giác bằng:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 2:** Cho tam giác MHK vuông tại H. Ta có:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 3:** Góc ngoài của tam giác là:

**A.** Góc bù với một góc của tam giác. **B.** Góc phụ với một góc trong của tam giác.

**C.** Góc kề với một góc của tam giác. **D.** Góc kề bù với một góc trong của tam giác.

**Câu 4:** Độ dài hai cạnh của một tam giác là 2 cm và 10 cm. Trong các số đo sau đây, số đo nào sau đây là độ dài cạnh thứ ba của tam giác đó?

**A.** 6 cm.  **B.** 7 cm. **C.** 8 cm **D.** 9 cm.

**Câu 5:** Tam giác ABC có góc A tù, . Trong các khẳng định sau, khẳng định nào **đúng**?

**A.** BC >AC >AB. **B.** AC >AB >BC. **C.** BC >AB > AC. **D.** AB > AC > BC.

**Câu 6:** Qua điểm A không thuộc đường thẳng d, kẻ đường vuông góc AH và các đường xiên AB, AC đến đường thẳng d (H, B, C đều thuộc d). Biết rằng HB < HC. Hãy chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau:

**A.** AB > AC. **B.** AB < AC. **C.** AB = AC. **D.** AH > AB



**Câu 7:** Cho hình vẽ, có các tam giác vuông nào bằng nhau:

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

**Câu 8:** Cho hình vẽ. Với các kí hiệu trên hình vẽ, cần thêm yếu tố nào để

ΔABC = ΔADE (g – c – g)

**A.** AB = AD **B.** 

**C.**  **D.** AC = AE

**Câu 9:** Cho hình vẽ:  
Cần phải có thêm yếu tố nào để 

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** BC = DC

**Câu 10:** Cho hình vẽ sau, biết tam giác ABC cân tại A, đường cao AM.

Khi đó ΔABM = ΔACM, cách giải thích nào sau đây là đúng:

**A. **, AM chung, AB = AC (c – g – c)

**B. ,** AB = AC,  (cạnh huyền – góc nhọn)

**C.** AB = AC, , AM chung (c – g – c)

**D. ,** AB = AC,  (g – c – g)

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**Bài tập trắc nghiệm**

**Cân 1**: Khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Trực tâm của một tam giác là:

**A.** Giao điểm các đường trung tuyến của tam giác.

**B.** Giao điểm các đường trưng trực của tam giác

**C.** Giao điểm các đường cao của tam giác.

**D.** Giao điểm các đường phân giác của tam giác.

**Câu 2:** Giao điểm ba đường phân giác của một tam giác:

**A.** Cách đều 3 cạnh **B.** Là trực tâm

**C.** Là tâm đường tròn ngoại tiếp **D.** Cách đều 3 đỉnh

**Câu 3:** Cho tam giác ABC có hai đường trung tuyến AE và BD cắt nhau tại G. Phát biểu nào sau đây sai?

**A.**  **B.**  **C.** GB = GA **D.** GA = 2 GE

**Câu 4:** Điểm N thuộc đường trung trực của đoạn thẳng AB thì:

**A.** NA< NB **B.** NA> NB

**C.** NA = NB **D.** Cả ba phương án trên đều sai

**Câu 5:** Để chọn điểm O cách đều 3 đỉnh M,N,P của tam giác MNP thì ta phải:

**A.** Dựng hai đường trung trực của tam giác MNQ, chúng cắt nhau tại 1 điểm, đó chính là điểm O cần phải tìm.

**B.** Dựng hai đường trung tuyến của tam giác MNQ, chúng cắt nhau tại 1 điểm chính là điểm O cần phải tìm.

**C.** Dựng hai đường phân giác của tam giác MNQ, chúng cắt nhau tại 1 điểm, đó chính là điểm O cần phải tìm.

**D.** Dựng hai đường cao của tam giác MNQ, chúng cắt nhai tại 1 điểm, đó chính là điểm O cần phải tìm.